

**BÀI TẬP LỚN 35**

Hình thức thi: Bài tập lớn - Thời gian 15 phút

Sinh viên tạo một thư mục và đặt tên theo cú pháp Họ tên SV\_Lớp\_Masv\_số đề. Lưu các File đã làm vào cùng một thư mục đã tạo

**Đề 69**

**PHẦN 1: SOẠN THẢO VĂN BẢN (5 điểm)**

Soạn thảo và định dạng văn bản hoàn chỉnh theo mẫu sau, lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: **MaSV\_WORD\_Đề69.docx**



**Rùa biển có sức chịu đựng phi thường**

Những con rùa biển mang thai có khả năng chống chịu những cuộc tấn công kinh hoàng của cá mập để cố ngoi lên bờ và đẻ trứng. Nhóm nghiên cứu của Australia phát hiện khả năng chịu đựng của rùa hiệu quả đến mức chúng có thể làm tổ nhanh chóng bất chấp những vết thương nghiêm trọng.



Một con rùa biển đang đẻ trứng

Trong khi quan sát loài rùa ở Australia, các nhà trường hợp phi bụng bị cắn tới tấp, cát, cố hết sức mình. Nhóm của Jessop đã

Rùa biển

caretta là tổ trên đảo Swain Reefs nghiên cứu đã ghi lại được một thường. Một con rùa cái với khoảng để lộ ra những bộ phận nội tạng kéo lê trên

lê lên bờ biển và đã đẻ trứng thành công.

Nhóm của Jessop đã nhốt những con rùa trong vùng nước gần bãi làm tổ của chúng để kiểm tra các vết thương do cá mập gây ra. Những con vật bị thương được so sánh với một nhóm lành lặn khác. Cả hai nhóm sau đó tham gia một cuộc kiểm tra stress, trong đó chúng bị đặt ngửa trên bãi biển.

**Vết nhọn**

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH GHI DANH**

*Các lớp tin học*



LỚP HỌC	KHÓA 1	KHÓA 2	KHÓA 3	KHÓA 4	TỔNG CỘNG
→ TIN HỌC CĂN BẢN	100	70	90	100	?
→ TIN HỌC VĂN PHÒNG	120	120	45	120	?
→ PASCAL	150	140	130	145	?
→ WINDOWS	40	120	125	145	?
→ WINWORD	120	140	150	135	?
→ EXCEL	130	150	140	136	?

## PHẦN 2: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN (5 điểm)

Tạo bảng số liệu và định dạng như mẫu (ảnh dưới đây) , lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: **MaSV\_EXCEL\_Đề69xlsx**

### KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN SINH

STT	SBD	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM THI	ĐIỂM KV	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ	XẾP HẠNG
1	A1104		23				
2	D2205		22				
3	A3201		19				
4	A1104		16				
5	D1201		25				
6	D1205		29				
7	A3104		23				

**BẢNG 1**

MÃ NGÀNH	KHỐI A	KHỐI D
104	18	16
201	22	21
205	20	19

Kí tự 1 cho biết khối, thứ 2 cho biết khu vực, kí tự 3, 4, 5 cho biết mã ngành

#### **Yêu cầu:**

1. Điểm chuẩn dựa vào mã ngành, khối và bảng phụ
2. Điểm khu vực: Nếu khu vực 1 điểm là 1, khu vực 2 là 0.5
3. Tổng điểm = điểm thi + điểm khu vực
4. Kết quả = Đỗ nếu Tổng điểm  $\geq$  điểm chuẩn, ngược lại trượt
5. Xếp hạng dựa vào Tổng điểm
6. Rút trích các thí sinh đỗ.

BÀI TẬP LỚN 35

Hình thức thi: Bài tập lớn - Thời gian 15 phút

Sinh viên tạo một thư mục và đặt tên theo cú pháp Họ tên SV\_Lớp\_Masv\_số đề. Lưu các File đã làm vào cùng một thư mục đã tạo

Đề 70

PHẦN 1: SOẠN THẢO VĂN BẢN (5 điểm)

Soạn thảo và định dạng văn bản hoàn chỉnh theo mẫu sau, lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: **MaSV\_WORD\_Đề70.docx**

# InternetCARD

## DỊCH VỤ INTERNET TRẢ TRƯỚC

✚ Không phí hòa mạng	100.000đ ..... 14 giờ kết nối
✚ Không cước thuê bao	200.000đ ..... 33 giờ kết nối
✚ Chỉ tính cước sử dụng	300.000đ ..... 55 giờ kết nối
✚ Giá rẻ — tốc độ cao	500.000đ ..... 110 giờ kết nối
Giá trên đã bao gồm thuế VAT và thẻ chỉ được sử dụng tại Tp. Hồ Chí Minh.	

2. Tính diện tích tam giác

$$S = \sqrt{\left(\frac{a+b+c}{2}\right)\left(\frac{a+b+c}{2}-a\right)\left(\frac{a+b+c}{2}-b\right)\left(\frac{a+b+c}{2}-c\right)}$$

3. Bất đẳng thức BUNHIACOVSKI

$$\left(\int_b^a a(x).b(x)dx\right)^2 \leq \int_b^a a(x).b(x)dx.\int_b^a b(x).b(x)dx$$

---

## PHẦN 2: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN (5 điểm)

Tạo bảng số liệu và định dạng như mẫu (ảnh dưới đây) , lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: **MaSV\_EXCEL\_Đề70.xlsx**

### Kết Quả Kỳ Thi Tuyển Sinh 2000

Số TT	Mã số thí sinh	Họ Tên	Khối	Khu vực	Tên ngành	Điểm chuẩn	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Kết quả	Học bổng	Ghi chú
1	A1001101	Nam	?	?	?	?	29	?	?	?	?
2	A1002105	Minh					22				
3	B3003112	Dũng					24				
4	B2004111	Tuấn					24				
5	A2005105	Hoa					29				
6	B1006112	Mai					26				

#### Bảng điểm chuẩn

Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn theo khối	
		A	B
101	Tin học	25	
105	Xây dựng	24	
111	Ngoại ngữ		26
112	Luật		22

#### Bảng thống kê

Tổng số thí sinh:	?
Tổng số đậu:	?
Tổng số rớt:	?
Tổng số thí sinh đạt điểm cao nhất:	?
Tổng số thí sinh được học bổng:	?

#### Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Khối thi là ký tự đầu của mã thí sinh
2. Khu vực là ký tự thứ 2 của mã thí sinh
3. Tên ngành dựa theo mã ngành (mã ngành là 3 ký tự cuối của mã thí sinh)
4. Điểm chuẩn dựa theo mã ngành và khối thi của thí sinh
5. Điểm ưu tiên là 0.5 nếu thuộc khu vực 2 ; là 1 nếu thuộc khu vực 3
6. Kết quả là đậu nếu (Điểm thi + Điểm ưu tiên)  $\geq$  Điểm chuẩn
7. Học bổng là 500000 nếu điểm thi lớn hơn điểm chuẩn từ 3 điểm trở lên và thuộc khối A
8. Ghi chú là "Chờ xét duyệt" nếu (Điểm thi + Điểm ưu tiên)  $<$  (Điểm chuẩn -1) cho thí sinh thuộc khối B hay khu vực 1
9. Lập Bảng thống kê trên.

CÁN BỘ RA ĐỀ

CÁN BỘ PHẢN BIỆN

TRƯỞNG BỘ MÔN

Ths. Nguyễn Thị Kim Anh

Ths. Lê Thị Chi

TS. Lê Chí Luận